

Bản án số: 78/2019/DS-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 17, ấp CA, xã C, huyện G, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Chị Võ Hồng D, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Tổ 40, ấp CA, xã C, huyện G, tỉnh T.

Bà L, chị D có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị D có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ thảo và còn nợ lại tiền hụi chết, gồm:

- Dây 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D tham gia 01 phần, hốt hụi ngày 10-3-2018 với số tiền kêu hụi

là 600.000 đồng được số tiền 29.600.000 đồng;

- Dây 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-10-2018 gồm 23 phần, mãn ngày 10-8-2020. Chị D tham gia 01 phần, hốt hội ngày 10-11-2018 với số tiền kêu hội là 620.000 đồng được số tiền 29.930.000 đồng.

Và chị D có mượn của bà 04 dây hội, gồm:

- Dây 1: Ngày 10-4-2018, chị D mượn 01 phần của chị Tý dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D kêu hội số tiền 600.000 đồng ngày 10-4-2018 (sống 18, chết 03), được số tiền 30.200.000 đồng. Chị D phải trả số tiền là 43.000.000 đồng;

- Dây 2: Ngày 10-6-2018, chị D mượn 01 phần của anh Rinh dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D kêu hội số tiền 200.000 đồng ngày 10-6-2018 (sống 16, chết 05), được số tiền 17.300.000 đồng. Chị D phải trả số tiền là 21.500.000 đồng;

- Dây 3: Ngày 10-7-2018, chị D mượn 01 phần của ông 4 Reo dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D kêu hội số tiền 200.000.000 đồng ngày 10-7-2018 (sống 15, chết 06), được số tiền 17.500.000 đồng. Chị D phải trả số tiền là 21.500.000 đồng;

- Dây 4: Ngày 10-8-2018, chị D mượn 01 phần của anh Cân dây hội 1.000.000 đồng (chung dây hội với ông 4 Reo), khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D kêu hội số tiền 200.000.000 đồng ngày 10-8-2018 (sống 14, chết 07), được số tiền 17.700.000 đồng. Chị D phải trả số tiền là 21.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội mượn mà chị D phải trả lại là 107.500.000 đồng.

Bà và chị D có thỏa thuận, chị D góp tiền hội cho bà mỗi ngày góp 200.000 đồng (tức là mỗi tháng sẽ góp được số tiền 6.000.000 đồng) bắt đầu góp từ ngày 10-4-2018. Bà và chị D thỏa thuận trong 6.000.000 đồng tiền góp được mỗi tháng trừ tiền hội chết là 4.000.000 đồng của dây hội khai ngày 10-01-2018 và dây hội chết còn nợ trước đó nhưng từ tháng 11-2018 hội cũ đã mãn nên góp cùng với dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10-10-2018, còn 2.000.000 đồng là góp tiền hội mượn. Đến ngày 01-5-2019, chị D ngưng bán ở chợ nên không tiếp tục góp tiền hội cho bà.

Đối với 02 dây hội tham gia, chị D có đóng tiền hội chết cho bà đến tháng 4-2019, từ tháng 5-2019 thì chị D ngưng đóng hội cho đến nay. Do đó, chị D còn nợ dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 là 12.000.000 đồng; dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-10-2018 là 32.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hội chết chị D còn nợ là 44.000.000 đồng.

Đối với 04 dây hội mượn, chị D góp được 12 tháng từ ngày 10-4-2018 đến ngày 30-4-2019 mỗi tháng góp 2.000.000 đồng, riêng tháng 12-2018 và tháng 01-2019 chị D góp mỗi tháng được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền hội mượn mà chị D đã góp được cho bà là 22.000.000 đồng. Còn lại 85.500.000 đồng. Tổng cộng tiền hội chị D còn nợ là 129.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, trong thời gian chị D góp hội cho bà, chị D có mượn của bà 02 lần với số tiền là 7.000.000 đồng, gồm: ngày 11-7-2018 mượn 5.000.000 đồng

và ngày 10-11-2018 mượn 2.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị D trả lại cho bà 7.000.000 đồng tiền mượn, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

*Tại bản tự khai đề ngày 13-10-2019 và trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Võ Hồng D trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của bà L về 04 dây hụi mượn và 02 dây hụi mà chị tham gia do bà L làm chủ thảo. Chị thừa nhận có hốt 02 dây hụi và mượn 04 dây hụi như bà L đã trình bày. Đối với 06 giấy đăng tiền hụi mà bà L cung cấp cho Tòa án chị thừa nhận là do chị ký và bà L có đăng tiền hụi cho chị như giấy đăng hụi có ghi. Tuy nhiên về số tiền hụi chết đã đóng và hụi mượn mà chị đã góp trả hàng tháng chị không đồng ý với lời trình bày của bà L.

Chị và bà L có thỏa thuận góp mỗi ngày 200.000 đồng, chị bắt đầu góp từ ngày 14-4-2018 đến tháng 8-2018, mỗi tháng góp được 6.000.000 đồng được trừ vào tiền hụi mượn và tiền hụi chết. Nhưng từ tháng 9-2018 thì 5.000.000 đồng/6.000.000 đồng tiền góp hai bên thỏa thuận trừ vào tiền hụi mượn, còn 1.000.000 đồng đắp vào số tiền kêu hụi của các dây hụi mượn hàng tháng (ví dụ: tháng 9-2018 dây hụi mượn 1.000.000 đồng kêu 200.000 đồng thì chị phải đóng 200.000 đồng, còn người cho mượn hụi chỉ đóng 800.000 đồng), thiếu bao nhiêu thì chị tự bù thêm tiền vào. Chị góp đến ngày 29-7-2019, mỗi ngày chị đều góp đủ 200.000 đồng cho bà L, không thiếu ngày nào. Đến ngày 30-7-2019 thì chị ngưng góp tiền hụi mượn cho bà L cho đến nay.

Vào tháng 6-2019, chị bán xe tải có trả cho bà L số tiền là 15.000.000 đồng cho dây hụi mượn 1.000.000 đồng (sống 14, chết 07) là do dây hụi này có 14 hụi sống nên số tiền phải trả là 14.000.000 đồng cộng thêm 01 phần hụi chị mượn thành 15.000.000 đồng. Do đó, đối với dây hụi 1.000.000 đồng này chị đã trả xong cho bà L nên bà L đồng ý gạt bỏ.

Tổng số tiền chị đã góp cho bà L từ tháng 9-2018 đến ngày 29-7-2019 là 66.000.000 đồng, hiện chị còn nợ 16.000.000 đồng cho 03 dây hụi còn lại.

Đối với 02 dây hụi chết, từ khi hốt hụi thì chị góp mỗi ngày chung với tiền hụi mượn, nhưng từ tháng 9-2018 trở về sau thì mỗi tháng chị có mang tiền đến đóng hụi chết cho bà L 01 lần vào ngày 14 hàng tháng, không phải góp mỗi ngày nữa. Mỗi dây là 2.000.000 đồng, 02 dây là 4.000.000 đồng. Đến tháng 8-2019 thì chị ngưng đóng tiền hụi chết cho bà L cho đến nay. Chị còn nợ lại tiền hụi chết dây khai ngày 10-01-2018 là 6.000.000 đồng; dây khai ngày 10-10-2018 là 26.000.000 đồng. Tiền hụi chết của 02 dây là 32.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi mà chị còn nợ bà L là 48.000.000 đồng, chị đồng ý trả cho bà L số tiền này.

Chị thừa nhận có mượn bà L 02 lần với số tiền 7.000.000 đồng như bà L đã trình bày. Chị đồng ý trả cho bà L số tiền 7.000.000 đồng này. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện

đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Ghi nhận chị D đồng ý trả cho bà L số tiền nợ vay là 7.000.000 đồng;
- Buộc chị D có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hội từ ngày 03-6-2019 cho đến khi hội mãn và số tiền hội mượn còn nợ sau khi đã trừ đi số tiền đã đóng từ ngày 10-4-2018 đến ngày 02-6-2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thực tế, chị Võ Hồng D có tham gia 02 dây hội và mượn 04 dây hội do bà Nguyễn Thị L làm chủ thảo.

- 02 dây hội mà chị D trực tiếp tham gia gồm:

+ Dây 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D tham gia 01 phần, hốt hội ngày 10-3-2018;

+ Dây 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-10-2018 gồm 23 phần, mãn ngày 10-8-2020. Chị D tham gia 01 phần, hốt hội ngày 10-11-2018.

- 04 dây hội mà chị D mượn, gồm:

+ Dây 1: Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D mượn 01 phần vào ngày 10-4-2018;

+ Dây 2: Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D mượn 01 phần vào ngày 10-6-2018;

+ Dây 3: Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D mượn 01 phần vào ngày 10-7-2018;

+ Dây 4: Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 gồm 22 phần, mãn ngày 10-10-2019. Chị D mượn 01 phần vào ngày 10-8-2018 (dây 4 chung dây hội với dây 3).

Tất cả các dây hội trên chị D đều đã hốt và bà L đã đăng đủ tiền hội. Tuy nhiên, bà L và chị D không thống nhất được thời gian ngừng góp hội và số tiền hội đã góp.

[1.1] Công thức tính tiền hội mượn như sau:

Số tiền hội phải trả = Số tiền phải đóng của một phần hội chết x tổng số phần hội của dây hội – Tiền cò

Ngoài ra, mỗi tháng chị D còn trả bù thêm số tiền chênh lệch giữa tiền hội chết và tiền hội sống cho người có phần hội cho mượn.

Về cách thức tính tiền hội mượn giữa bà L và chị D đã thống nhất với nhau và không xảy ra tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do đó, tiền hội mượn mà chị D phải trả cho bà L gồm:

+ Dây 1: 2.000.000 đồng/phần x 22 phần – 1.000.000 đồng = 43.000.000

đồng;

+ Dây 2:  $1.000.000 \text{ đồng/phần} \times 22 \text{ phần} - 500.000 \text{ đồng} = 21.500.000 \text{ đồng};$

+ Dây 3:  $1.000.000 \text{ đồng/phần} \times 22 \text{ phần} - 500.000 \text{ đồng} = 21.500.000 \text{ đồng};$

+ Dây 4:  $1.000.000 \text{ đồng/phần} \times 22 \text{ phần} - 500.000 \text{ đồng} = 21.500.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền hội mượn mà chị D có trách nhiệm trả cho bà L là 107.500.000 đồng.

[1.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Bà L cho rằng giữa bà và chị D có thỏa thuận tiền hội chết của 02 dây hội tham gia và 04 dây hội mượn được góp mỗi ngày 200.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 10-4-2018 cho đến khi mãn hội. Cụ thể, bà L và chị D thỏa thuận trong 6.000.000 đồng tiền góp được mỗi tháng thì 4.000.000 đồng là góp cho 02 dây hội chết gồm dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 và dây hội chết còn nợ trước đó (từ tháng 4-2018 đến tháng 10-2018) nhưng từ tháng 11-2018 hội cũ đã mãn nên góp cùng với dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10-10-2018; còn 2.000.000 đồng là góp cho 04 phần hội mượn. Chị D góp mỗi ngày đầy đủ, riêng tháng 12-2018 và tháng 01-2019 thì chị D chỉ góp 5.000.000 đồng/tháng, đến ngày 01-5-2019 thì chị D ngưng bán ở chợ nên không tiếp tục góp tiền hội cho bà. Nên bà L cho rằng chị D còn nợ bà số tiền như sau:

- Đối với 02 dây hội tham gia, chị D còn nợ

+ Dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 nợ từ tháng 5-2019 đến tháng 10-2019 là 06 tháng  $\times 2.000.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng};$

+ Dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-10-2018 nợ từ tháng 5-2019 đến tháng 8-2020 là 16 tháng  $\times 2.000.000 \text{ đồng} = 32.000.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng 02 dây hội chết chị D còn nợ là 44.000.000 đồng.

- Đối với 04 dây hội mượn, chị D góp được 12 tháng từ ngày 10-4-2018 đến ngày 30-4-2019 mỗi tháng góp 2.000.000 đồng, riêng tháng 12-2018 và tháng 01-2019 chị D góp mỗi tháng được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền hội mượn mà chị D đã góp được cho bà là 22.000.000 đồng. Còn lại  $107.500.000 \text{ đồng} - 22.000.000 \text{ đồng} = 85.500.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền hội chị D còn nợ bà là 129.500.000 đồng.

[1.3] Còn chị D thì cho rằng từ tháng 4-2018 đến tháng 8-2018 mỗi ngày chị góp 200.000 đồng (mỗi tháng 6.000.000 đồng), hai bên thỏa thuận góp cho tiền hội chết và 04 dây hội mượn như bà L trình bày là đúng, tuy nhiên từ tháng 9-2018 thì giữa chị và bà L có thỏa thuận lại tiền góp được trừ hết vào tiền hội mượn, trong đó 5.000.000 đồng được trừ vào tiền hội mượn, 1.000.000 đồng là tiền chị phải đắp vào số tiền kêu hội của các dây hội mượn hàng tháng; còn hội chết thì chị đóng đủ cho bà L vào ngày 14 hàng tháng. Và chị còn cho rằng, chị đóng hội chết đến tháng 7-2019 và góp hội đến ngày 29-7-2019, từ ngày 30-7-2019 đến nay chị ngưng góp hội và ngưng đóng tiền hội chết hàng tháng cho bà

L nhưng không được bà L thừa nhận và chị D cũng không có chứng cứ gì để chứng minh giữa bà L và chị D có thỏa thuận lại với nhau về việc đóng tiền hội chết hàng tháng từ tháng 9-2018 và cũng không chứng minh được chị D ngưng góp tiền cho bà L từ ngày 30-7-2019. Hơn nữa, thu nhập có lời của chị D từ việc buôn bán ở chợ khoảng 200.000 đồng/ngày thì chị không còn khoảng thu nhập nào khác, ngoài việc góp tiền hội cho bà L thì chị D còn thừa nhận còn nợ tiền hội và phải đóng hội chết cho chủ thảo khác nên chị D cho rằng mỗi tháng đóng hội cho bà L 10.000.000 đồng so với mức thu nhập của chị là không phù hợp. Do đó, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Ngoài ra, chị D còn cho rằng vào tháng 6-2019, chị D bán xe tải có trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng cho 01 dây hội mượn nên bà L đồng ý gạt bỏ giấy đăng hội ngày 10-8-2018 của dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 (sống 14, chết 7) nên đối với dây hội này chị đã trả cho bà L xong. Xét thấy, bà L thừa nhận giấy đăng hội này là do bà gạt bỏ, tuy bà L cho rằng do bà lỡ tay nhưng sau khi gạt bỏ tờ giấy hội đến trước khi khởi kiện, bà L cũng không yêu cầu chị D ký lại giấy nợ hay đính chính phần gạt bỏ. Do đó, việc chị D có trả cho bà L dây hội mượn 1.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 (sống 14, chết 7) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Bà L thừa nhận kể từ khi chị D ngưng bán ở chợ thì chị D cũng ngưng góp tiền hội cho bà và bà L cho rằng chị D ngưng góp tiền hội từ ngày 01-5-2019, còn chị D thì cho rằng chị góp hội đầy đủ cho bà L đến hết ngày 29-7-2019. Qua thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng là người bán hàng ở chợ nơi chị D buôn bán (bút lục số 38-43) cung cấp: chị D đã ngưng bán ở chợ khoảng từ ngày 01-5-2019 (AL) tức ngày 03-6-2019. Và bà L cũng thừa nhận rằng sau khi chị D ngưng góp tiền hội cho bà thì vài ngày sau bà Trần Thị Th (Ch) cũng ngưng góp và thời gian mà bà Ch ngưng góp hội cho bà L đã được bà L và bà Ch thống nhất là ngày 10-6-2019. Do đó, có căn cứ cho rằng chị D không còn bán ở chợ và cũng ngưng góp hội cho bà L từ ngày 03-6-2019 là phù hợp.

[1.6] Việc bà L cho rằng tháng 12-2018 và tháng 01-2019 chị D góp tiền cho 04 dây hội mượn mỗi tháng được 1.000.000 đồng, nhưng bà L không có chứng cứ gì để chứng minh và cũng không được chị D thừa nhận nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, tuy thời gian chị D mượn hội hốt vào các tháng khác nhau như tháng 4, 6, 7 và tháng 8-2018 nhưng bà L thống nhất tiền hội góp trả hàng ngày bắt đầu tính từ ngày 10-4-2018 do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận chị D có góp tiền hội cho bà L 200.000 đồng/ngày từ ngày 10-4-2018 (tức 6.000.000 đồng/tháng) gồm tiền hội chết là 4.000.000 đồng và tiền hội mượn là 2.000.000 đồng. Nên tiền hội được tính lại như sau:

- Tiền hội chết của 02 dây hội mà chị D tham gia còn nợ bà L là:

- + Dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-01-2018 nợ từ tháng 6-2019 đến tháng 10-2019 là 05 tháng x 2.000.000 đồng = 10.000.000 đồng;

- + Dây 2.000.000 đồng khai ngày 10-10-2018 nợ từ tháng 6-2019 đến tháng 8-2020 là 15 tháng x 2.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi chết chị D còn nợ là 40.000.000 đồng.

- Số tiền hụi mượn mà chị D đã góp từ ngày 10-4-2018 đến ngày 02-6-2019 là 13 tháng 23 ngày được số tiền là:

+ Từ ngày 10-4-2018 đến ngày 10-5-2019 là 2.000.000 đồng/tháng x 13 tháng = 26.000.000 đồng

+ Do tháng 6-2019 không góp đủ ngày nên Hội đồng xét xử tính tiền góp từ ngày 11-5-2019 đến ngày 02-6-2019 được tính tròn phần tiền hụi mượn nên số tiền góp được là 200.000 đồng/ngày x 23 ngày = 4.600.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi mượn đã góp được là 30.600.000 đồng. Do trong 04 dây hụi có 01 dây hụi 2.000.000 đồng và 03 dây hụi 1.000.000 đồng nên tính thành 05 phần 1.000.000 đồng thì mỗi phần hụi 1.000.000 đồng góp được số tiền là 30.600.000 đồng : 05 = 6.120.000 đồng. Trừ 01 dây hụi 1.000.000 đồng mượn ngày 10-8-2018 mà chị D đã góp xong. Do đó, số tiền hụi mượn chị D còn nợ bà L là (107.500.000 đồng – 21.500.000 đồng) – (6.120.000 đồng x 04) = 61.520.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chết và hụi mượn mà chị D còn nợ bà L là 101.520.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chị D về tiền nợ hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Buộc chị D có trách nhiệm trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 101.520.000 đồng.

Bà L không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Ngoài ra, bà L và chị D còn thống nhất chị D có mượn của bà L số tiền 7.000.000 đồng, chị D đồng ý trả cho bà L số tiền trên nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bà L không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với chị Võ Hồng D về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc chị Võ Hồng D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền nợ hui là 101.520.000 (*Một trăm lẻ một triệu năm trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với số tiền nợ hui là 27.980.000 đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị L đối với chị Võ Hồng D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Chị Võ Hồng D đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ vay là 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng.

Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu 1.399.000 (*Một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn*). Được khấu trừ vào số tiền 3.962.500 (*Ba triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0009713 ngày 01-10-2019 và số 0009739 ngày 11-10-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho bà L số tiền 2.563.500 (*Hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm*) đồng từ tạm ứng án phí đã nộp.

Chị D phải chịu 5.251.000 (*Năm triệu hai trăm năm mươi một nghìn*) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**TRẦN THỊ KIM CƯƠNG**